

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 22/11/2021 14:30 22/11

## A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

### *Trung Quốc*

- Giá heo tại Trung Quốc ít biến động vào cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh mức 18,2 tệ/kg, tương đương 65.000 đồng/kg do thời tiết lạnh và có tuyết rơi dày trở lại gây khó khăn cho hoạt động vận chuyển và tiêu thụ heo, bất chấp sức mua chung của thị trường tốt hơn. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo biến động trái chiều giữa các tỉnh, dao động từ 18,6-19,5 tệ/kg, tương đương 66-69.000 đồng/kg.

- Mặc dù không được công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng giới thạo tin cho biết, giai đoạn tháng 7-8-9/2021 dịch tả châu Phi bùng phát khá mạnh tại miền Nam và miền Trung Trung Quốc nên nguồn cung heo xuất chuồng vào cuối năm 2021 giảm lại, hỗ trợ giá bán.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo giảm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần, dao động từ 14,4-16,3 tệ/kg cho kỳ hạn tháng 1-3/2022, tương đương 51-58.000 đồng/kg, cách biệt từ 8-10.000 đồng/kg với giá heo giao ngay.

- Dữ liệu từ hải quan Trung Quốc cho biết, trong tháng 10/2021, nước này chỉ nhập khẩu 200.000 tấn thịt heo – ghi nhận mức thấp nhất trong vòng 2 năm, giảm 4,7% so với tháng trước và giảm mạnh 35,5% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng lượng thịt heo nhập khẩu trong 10 tháng đạt hơn 3,3 triệu tấn, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm trước.

## B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

### Giá heo hơi

#### Tại miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, do nguồn cung heo dân giảm mạnh nên các thương lái tiếp tục đổ vào các công ty bất nhiều hơn, bất chấp dịch tả châu Phi vẫn quét mạnh qua các vùng và heo từ miền Nam ra Bắc có xu hướng tăng. Mặt bằng giá heo miền Bắc tạm thời không có nhiều biến động vào đầu tuần này, dao động phổ biến từ 39-41.000 đồng/kg, mức trên 42.000 đồng/kg ít giao dịch.

- Do dịch tả châu Phi diễn biến phức tạp, gây sụt giảm mạnh cho đàn heo dân và công ty nên các trại nuôi gột giai đoạn này tập heo vào thận trọng, chờ thị trường khởi sắc hẳn mới tập vào, nhằm đón giá tăng trong rất ngắn hạn thay vì chờ 15-20 ngày như trước kia.

#### Tại miền Trung

- Tại **miền Trung**, giá heo cũng tạm thời không có điều chỉnh vào đầu tuần này, dao động từ 39-44.000 đồng/kg tùy biểu heo và chất lượng heo. Heo biểu to giá 39.000 đồng/kg tại miền Trung vẫn đang được đóng lai rai ra Bắc nhưng lượng không nhiều do giá không tốt bằng miền Nam.

#### Tại miền Nam

- Tại **miền Nam**, từ cuối tuần trước, trước sức ép nguồn cung heo biểu to và heo dịch ra thị trường, mặt bằng giá heo được điều chỉnh giảm còn quanh 37-44.000 đồng/kg, mức trên 45.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho heo

đẹp. Giá heo biểu to loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam cũng có xu hướng giảm còn 33-35.000 đồng/kg để bán ra Bắc.

- Lực tập heo vào nuôi gột tại miền Nam cũng bắt đầu có trở lại khi lượng heo đóng đi Bắc có xu hướng tăng.
- Thương nhân kỳ vọng, giá heo 3 miền sẽ nhóng trở lại kể từ cuối tuần này khi dịch bệnh trên heo tại miền Bắc êm hơn.

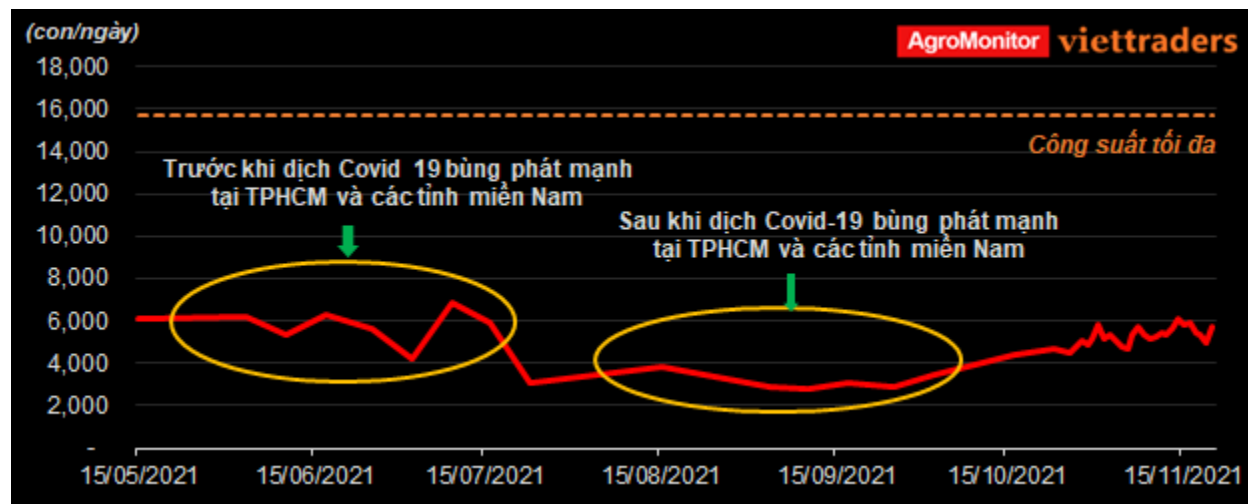
### Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt khoảng 2.500 con, trong đó có 10 xe heo từ miền Nam đưa ra, với giá mua lên xe quanh 33-35.000 đồng/kg tùy tình trạng lựa heo đầu. Chợ bán tốt hơn hôm qua với giá cao nhất 43-44.000 đồng/kg, phổ biến 40.000 đồng/kg, hàng chân để bán.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt hơn 4.400 con, nhập chợ đạt hơn 3.100 con. Chợ bán trung bình với giá đầu cuối bằng nhau, từ 43.000 đồng/kg trở lên, kéo giá bình bông đạt quanh 52-55.000 đồng/kg.

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 20/11/2021 (con/ngày) 10:18 16/11

*Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 20/11/2021 (con/ngày)*

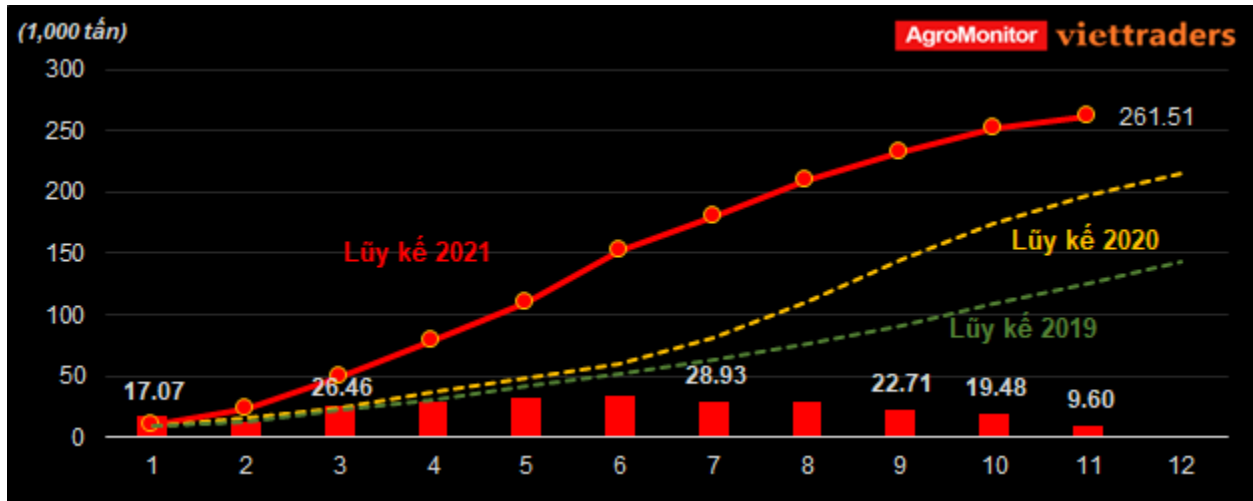


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 16/11/2021 (nghìn tấn) 13:13 20/11

*Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 16/11/2021*

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Chính phủ đã ban hành Nghị định 101/2021/NĐ-CP, theo đó thuế nhập khẩu thịt Heo đông lạnh được điều chỉnh giảm từ 15% còn 10% kể từ 1/7/2022 09:00 16/11

Theo Nghị định 101/2021/NĐ-CP được Thủ tướng chính phủ ban hành vào ngày 15/11/2021, thuế nhập khẩu ngô của Việt Nam được điều chỉnh giảm từ 5% còn 2%, thuế nhập khẩu lúa mì về 0%. Đáng chú ý, thuế nhập khẩu thịt heo đông lạnh được điều chỉnh giảm khá mạnh, từ 15% còn 10% kể từ 1/7/2022. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 30/12/2021.

*Thuế suất nhập khẩu thịt heo theo Nghị định 101/2021/NĐ-CP ban hành vào ngày 15/11/2021*

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
<b>02.03</b>	<b>Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.</b>	
	- Tươi hoặc ướp lạnh:	
0203.11.00	- - Thịt cả con và nửa con	25
0203.12.00	- - Thịt mỡ đùi (hams), thịt vai và các mảnh của chúng, có xương	25
0203.19.00	- - Loại khác	22
	- Đông lạnh:	
0203.21.00	- - Thịt cả con và nửa con	15 - Từ ngày 01/7/2022 áp dụng mức thuế suất 10%.
0203.22.00	- - Thịt mỡ đùi (hams), thịt vai và các mảnh của chúng, có xương	15 - Từ ngày 01/7/2022 áp dụng mức thuế suất 10%.
0203.29.00	- - Loại khác	15 - Từ ngày 01/7/2022 áp dụng mức thuế suất 10%.

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 22/11/2021 10:04 22/11

## 1. Miền Bắc

*Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)*

Khu vực		22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty-Miền Bắc		39,000-42,000	39,000-42,000	39,000-46,000
Heo dân	Thái Bình	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-42,000
	Bắc Giang	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-42,000
	Hà Nội	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-42,000
<b>Heo giống</b>				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		100.000-105.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		700.000-900.000	700.000-900.000	700.000-900.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

## 2. Miền Trung

*Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)*

Khu vực		22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty-Miền Trung		39,000-46,000	39,000-46,000	40,500-48,000
Heo dân	Nghệ An	41,000-43,000	41,000-43,000	41,000-44,000
	Bình Định	39,000-44,000	39,000-44,000	39,000-44,000
	Đắc Lắc	42,000-44,000	42,000-44,000	42,000-45,000

### 3. Miền Nam

*Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)*

Loại giá		22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty	Đồng Nai	37,000-50,000	40,000-50,000	40,000-50,000
	Miền Tây	37,000-50,000	39,000-50,000	39,000-50,000
Heo dân	Đồng Nai	40,000-45,000	42,000-46,000	42,000-46,000
	Tiền Giang	40,000-41,000	40,000-41,000	40,000-42,000
	Bến Tre	38,000-42,000	39,000-43,000	39,000-43,000
<b>Heo giống</b>				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 22/11/2021 11:12 22/11

### Gà trắng

*Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)*

	Khu vực	22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	23.000-24.500	25.000-26.000	26.000-28.000
	Miền Nam	31.000-33.000	29.000-30.000	28.000-30.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	22.000-23.500	24.000-26.000	24.000-28.000
	Vĩnh Phúc	22.500-24.000	24.000-26.000	24.500-28.500
	Hà Nội	22.500-24.000	24.000-26.000	24.500-28.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	30.000-33.000	28.000-30.000	28.000-30.000
	Bình Phước	30.000-33.000	28.000-30.000	28.000-30.000

## Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	42.000-43.000	42.000-43.000	42.000-43.000
Gà ta lai CP – miền Trung	44.000-45.000	44.000-45.000	44.000-45.000
Gà ta lai CP – miền Nam	45.000-46.000	45.000-46.000	44.000-46.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	44.000-47.000	44.000-47.000	44.000-47.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-44.000	40.000-44.000	40.000-44.000

## Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	26.000-29.000	29.000-30.000	29.000-32.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	36.000-38.000	38.000-40.000	38.000-40.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	39.000-40.000	39.000-40.000	37.000-40.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 22/11/2021 09:10 22/11

Thời tiết lạnh hơn làm tăng sức mua của thị trường hỗ trợ giá heo Trung Quốc đi lên.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<b>Trung Quốc</b>							
Quảng Đông	CNY/kg	19,51	—0,00	▲0,28	▲4,43	▼11,89	69.200
Quảng Tây		18,56	▼0,27	—0,00	▲4,18	▼12,72	65.900
Vân Nam		17,66	▼0,27	▲0,37	▲4,15	▼12,94	62.700

Phúc Kiến		19,02	▼0,10	▲0,12	▲4,44	▼11,83	67.500
Tứ Xuyên		19,36	▲0,24	▼0,06	▲4,17	▼12,07	68.700
Liêu Ninh		16,41	▲0,16	▼0,08	▲2,35	▼11,97	58.200
Hà Bắc		17,64	▲0,13	▲0,01	▲3,18	▼10,92	62.600
Sơn Đông		18,02	▲0,27	▲0,09	▲3,82	▼10,92	63.900
<b>Bình quân</b>		<b>18,18</b>	<b>▲0,18</b>	<b>▲0,07</b>	<b>▲3,74</b>	<b>▼11,62</b>	<b>64.500</b>
<b>Thái Lan</b>							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	47.800
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	50.300
Miền Trung		79,00	—0,00	—0,00	▲14,00	▲7,00	56.000
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53.900
Miền Tây		83,00	—0,00	—0,00	▲11,00	-	58.800
Miền Nam		84,00	—0,00	—0,00	▲6,00	-	59.500
<b>Bình quân</b>		<b>76,75</b>	<b>—0,00</b>	<b>—0,00</b>	<b>▲5,17</b>	<b>▲0,75</b>	<b>54.400</b>
<b>Campuchia</b>							
<b>Bình quân</b>	KHR/kg	10.222	▲12	▼324	-	-	57.000
<b>Indonesia</b>							
<b>Bình quân</b>	IDR/kg	58.785	▼471	▼3.449	▲236	▲12.607	93.500

Thị trường Gia súc thế giới ngày 22/11/2021

09:10 22/11/2021

### TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 22/11/2021

#### Thị trường Heo

##### ▶ Giá heo Trung Quốc

- Giá **bình quân** tăng thêm lên 18,00 tệ/kg (▲0,17 tệ/kg);
- Tại tỉnh **Quảng Tây**, giá heo đạt 18,56 tệ/kg (▼0,27 tệ/kg);
- Giá **heo giống** giữ ổn định so với hôm qua tại mức **21,01** tệ/kg, tương đương quy đổi trên 520.000 đồng/con 7kg.

##### ▶ Giá heo Thái Lan

- Giá **phổ biến** tuần này vẫn dao động quanh mức 80-84 Baht/kg;
- Giá **heo giống** tiếp tục có xu hướng tăng thêm;

- Kênh **xuất khẩu heo** sống có chiều hướng chậm lại.

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

### ▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo tại Trung Quốc ít biến động vào cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh mức 18,2 tệ/kg, tương đương 65.000 đồng/kg do thời tiết lạnh và có tuyết rơi dày trở lại gây khó khăn cho hoạt động vận chuyển và tiêu thụ heo, bất chấp sức mua chung của thị trường tốt hơn. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo biến động trái chiều giữa các tỉnh, dao động từ 18,6-19,5 tệ/kg, tương đương 66-69.000 đồng/kg.

- Mặc dù không được công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng giới thạo tin cho biết, giai đoạn tháng 7-8-9/2021 dịch tả châu Phi bùng phát khá mạnh tại miền Nam và miền Trung Trung Quốc nên nguồn cung heo xuất chuồng vào cuối năm 2021 giảm lại, hỗ trợ giá bán.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo giảm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần, dao động từ 14,4-16,3 tệ/kg cho kỳ hạn tháng 1-3/2022, tương đương 51-58.000 đồng/kg, cách biệt từ 8-10.000 đồng/kg với giá heo giao ngay.

- Dữ liệu từ hải quan Trung Quốc cho biết, trong tháng 10/2021, nước này chỉ nhập khẩu 200.000 tấn thịt heo – ghi nhận mức thấp nhất trong vòng 2 năm, giảm 4,7% so với tháng trước và giảm mạnh 35,5% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng lượng thịt heo nhập khẩu trong 10 tháng đạt hơn 3,3 triệu tấn, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm trước.

### ▶ Châu Âu

- Dịch tả châu Phi bùng phát lại trên đàn heo nhà tại Đức, làm trầm trọng thêm tình trạng khó khăn trong việc xuất khẩu thịt heo. Ở dịch ghi nhận tại một trang trại quy mô lớn tại khu vực miền Bắc nước Đức, trên 4.000 con đã ngay lập tức bị tiêu hủy để giảm thiểu sự lây lan sang các khu vực khác. Hiện một số nước châu Âu khác cũng đang ghi nhận dịch tả heo châu Phi bùng phát, các nước cũng đã tăng cường kiểm soát hoạt động thương mại heo và thịt heo để kìm hãm đà lây lan của dịch bệnh.

## DIỄN BIẾN GIÁ

*Thời tiết lạnh hơn làm tăng sức mua của thị trường hỗ trợ giá heo Trung Quốc đi lên.*

*Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác*

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<i>Trung Quốc</i>							



Quảng Đông	CNY/kg	19,51	—0,00	▲0,28	▲4,43	▼11,89	69.200
Quảng Tây		18,56	▼0,27	—0,00	▲4,18	▼12,72	65.900
Vân Nam		17,66	▼0,27	▲0,37	▲4,15	▼12,94	62.700
Phúc Kiến		19,02	▼0,10	▲0,12	▲4,44	▼11,83	67.500
Tứ Xuyên		19,36	▲0,24	▼0,06	▲4,17	▼12,07	68.700
Liêu Ninh		16,41	▲0,16	▼0,08	▲2,35	▼11,97	58.200
Hà Bắc		17,64	▲0,13	▲0,01	▲3,18	▼10,92	62.600
Sơn Đông		18,02	▲0,27	▲0,09	▲3,82	▼10,92	63.900
<b>Bình quân</b>		<b>18,18</b>	<b>▲0,18</b>	<b>▲0,07</b>	<b>▲3,74</b>	<b>▼11,62</b>	<b>64.500</b>
<b>Thái Lan</b>							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	47.800
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	50.300
Miền Trung		79,00	—0,00	—0,00	▲14,00	▲7,00	56.000
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53.900
Miền Tây		83,00	—0,00	—0,00	▲11,00	-	58.800
Miền Nam		84,00	—0,00	—0,00	▲6,00	-	59.500
<b>Bình quân</b>		<b>76,75</b>	<b>—0,00</b>	<b>—0,00</b>	<b>▲5,17</b>	<b>▲0,75</b>	<b>54.400</b>
<b>Campuchia</b>							
<b>Bình quân</b>	KHR/kg	10.222	▲12	▼324	-	-	57.000
<b>Indonesia</b>							
<b>Bình quân</b>	IDR/kg	58.785	▼471	▼3.449	▲236	▲12.607	93.500

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 22/11/2020 – 22/11/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 21/11/2020 – 21/11/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bình quân tuần trước, giá heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên có biên độ dao động hẹp, tăng rất nhẹ so với mức của bình quân tuần trước đó.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	Bình quân tuần		
						Tệ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 11/2021	16,62	16,62	16,80	15,78	16,04	16,37	▲0,40	58.200
Tháng 1/2022	16,64	16,55	16,15	16,19	16,35	16,37	▲0,19	58.200
Tháng 3/2022	14,61	14,48	14,37	14,50	14,54	14,50	▲0,06	51.600
Tháng 5/2022	15,70	15,54	15,41	15,52	15,56	15,55	▲0,16	55.300
Tháng 7/2022	16,50	16,43	16,29	16,36	16,38	16,39	▲0,04	58.300
Tháng 9/2022	17,43	17,32	17,15	17,25	17,29	17,29	▲0,11	61.500

Ghi chú: Kỳ hạn tháng 11/2021 sẽ tiếp tục được niêm yết trên sàn cho tới khi các lô hàng cuối cùng được giao tới người mua.

Tại Trung Quốc, giá heo giống tăng khá tốt trong tuần qua nhờ sự cải thiện của giá heo hơi cùng với nhu cầu vào đàn mới có nhiều hơn.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo giống tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
<b>Trung Quốc</b>							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	18,13	—0,00	▲2,06	▲4,95	▼84,58	65.000
Miền Bắc		19,29	—0,00	▲2,00	▲4,54	▼87,12	69.200
Miền Đông		22,56	—0,00	▲2,11	▲5,40	▼86,50	80.900
Miền Trung		22,21	—0,00	▲1,43	▲5,22	▼89,75	79.600
Miền Nam		23,06	—0,00	▲1,79	▲5,64	▼89,97	82.600
Vùng Tây Nam		22,54	—0,00	▲1,27	▲4,75	▼87,62	80.800
Vùng Tây Bắc		17,79	—0,00	▲1,03	▲2,07	▼88,40	63.800
<b>Bình quân</b>			<b>21,01</b>	<b>—0,00</b>	<b>▲1,72</b>	<b>▲4,65</b>	<b>▼87,40</b>
<b>Thái Lan</b>							
CP – 6kg	Baht/con	2.200	—0,00	▲100	▲600	—0,00	1.552.000
CP – 16kg		2.500 (+/- 80)	—0,00	▲100	▲600	—0,00	1.764.000
CP – 25kg		2.600 (+/- 80)	—0,00	▲100	▲600	—0,00	1.834.000
Trại dân – 12kg		2.400	—0,00	▲100	▲600	—0,00	1.693.000

## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### Dịch bệnh – Thiên tai

*Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021*

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
28/10/2021	- Tại <b>Nam Phi</b> , 500 con heo nhà đã bị chết vì nhiễm virus dịch tả châu Phi.
29/10/2021	- <b>Nga</b> phát hiện và đã tiêu hủy 5 con heo rừng bị nhiễm dịch tả châu Phi, 2.618 con heo nhà cũng ghi nhận bị nhiễm bệnh khiến tổng cộng 54.000 con bị tiêu hủy. - Từ 11 ổ dịch trên heo rừng và 29 ổ dịch với heo nhà tại <b>Romania</b> ghi nhận nhiễm bệnh, tổng cộng đã có tới 14 con heo rừng và 8.680 con heo nhà bị tiêu hủy.
02/11/2021	- Xu hướng dịch tả châu Phi tại đàn heo <b>Latvia</b> có chiều hướng êm hơn khi trong vòng 1 tuần chỉ ghi nhận thêm 4 con heo rừng bị nhiễm bệnh, số heo này đã được tiêu hủy.
03/11/2021	- <b>Hungary</b> chỉ ghi nhận thêm 3 con heo rừng nhiễm bệnh trong tuần kết thúc 07/11.

### Sản xuất – Tiêu thụ

#### ▶ Tại Trung Quốc

Lương heo xuất bán từ phía các công ty tại Trung Quốc có xu hướng tăng thêm trong tháng 10.

*Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)*

STT	Doanh nghiệp	Tháng 9	Tháng 10	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					10T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	3.086,0	5.258,0	▲70%	31.365,0	40.000,0	78%
2	Zhenbang Tech	1.376,0	1.282,3	▼7%	13.177,6	20.000,0	66%
3	New Hope	935,7	1.190,9	▲27%	8.002,2	16.000,0	50%
4	Wen's	1.698,8	1.819,6	▲7%	10.794,8	12.000,0	90%
5	Cofco	288,0	261,0	▼9%	-	-	-
6	Dabeinong	424,1	451,5	▲6%	3.400,2	5.000,0	68%
7	Aonong Bio	325,9	367,1	▲13%	2.418,5	4.000,0	60%
8	Tianbang	321,2	536,4	▲67%	3.344,1	7.000,0	48%
9	Tiankang Bio	158,0	115,3	▼27%	1.333,4	2.000,0	67%
10	Tang Ren Shen	108,0	171,9	▲59%	1.323,5	2.000,0	66%
11	Jin Xinnong	70,2	126,1	▲62%	745,1	1.200,0	73%
12	Longda Meat	28,8	-	-	-	-	-
13	Luo Niu Shan	38,3	42,6	▲11%	313,6	-	-
14	Dawnrays	25,2	39,7	▲58%	290,8	400,0	73%
15	Zhenhong Tech	29,9	37,6	▲26%	181,7	-	-
<b>Tổng</b>		<b>8.914,1</b>	-	-	-	-	-

*Ghi chú: Mục tiêu xuất bán của công ty Muyuan đã được điều chỉnh tăng lên so với dữ liệu trước đó.*

## **Thương mại**

### **▶ Tại Thái Lan**

*Campuchia đang có một đợt dịch tả heo châu Phi mới bùng phát, nước này tiếp tục hạn chế nhập khẩu heo sống để giảm thiểu sự lây lan của dịch bệnh, theo đó trong tuần kết thúc 20/11 nước này chỉ nhập khẩu bình quân 300 con/ngày từ Thái Lan, giảm 200 con/ngày so với mức của tuần trước đó.*

*Bảng 6. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)*

Thị trường	Tuần kết thúc 13/10	Tuần kết thúc 20/11	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	300-500	300	▼200	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	

Trung Quốc	-	-	-	
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

## B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 7. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 21/11/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,724	—0,00	AUD/VND*	16.738	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,178	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,791	—0,00	CAD/VND*	18.258	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,157	—0,00	CNY/VND	3.548	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,128	—0,00	EUR/VND*	26.482	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,345	—0,00	GBP/VND*	31.050	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,59	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,58	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,031	—0,00	THB/VND*	709	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,755	—0,00

Thị trường Gia súc nội địa ngày 22/11/2021

15:15 22/11/2021

### TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 22/11/2021

THỊ TRƯỜNG HEO		
<b>Giá heo hơi nội địa</b>		
<i>Miền Bắc</i>	Mặt bằng giá heo miền Bắc tạm thời không có nhiều biến động vào đầu tuần này, dao động phổ biến từ <b>39.000-41.000</b> đồng/kg, mức trên <b>42.000</b> đồng/kg ít giao dịch.  <i>Do dịch tả châu Phi diễn biến phức tạp, gây sụt giảm mạnh cho đàn heo dân và công ty nên các trại nuôi gột giai đoạn này tập heo vào thận trọng.</i>	<b>Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:</b>  - Heo biểu to giá <b>39.000</b> đồng/kg tại miền Trung vẫn đang được đóng lai rai ra Bắc nhưng lượng không nhiều do giá không tốt bằng miền Nam.
<i>Miền Trung</i>	Giá heo tạm thời không có điều chỉnh vào đầu tuần này, dao động từ 39-44.000 đồng/kg tùy biểu heo và chất lượng heo.	

<u>Miền Nam</u>	Trước sức ép nguồn cung heo biểu to và heo dịch ra thị trường, mặt bằng giá heo giảm còn quanh <b>37.000-44.000</b> đồng/kg, mức <b>trên 45.000</b> đồng/kg chủ yếu áp dụng cho heo đẹp.	- Giá heo biểu to loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam cũng có xu hướng giảm còn <b>33-35.000</b> đồng/kg để bán ra Bắc.
<b>Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ</b>		
<u>Chợ đầu mối Ngọc Lũ</u>	- Lượng heo về chợ: đạt <b>khoảng 2.500</b> con, trong đó có <b>10</b> xe heo từ miền Nam đưa ra. Chợ bán tốt hơn hôm qua với giá cao nhất <b>43-44.000</b> đồng/kg, phổ biến <b>40.000</b> đồng/kg, hàng chân dễ bán.	
<u>Chợ đầu mối, lò mổ -HCM</u>	<u>Chợ Tân Xuân:</u> Lượng heo nhập lò đạt <b>hơn 4.400</b> con, nhập chợ <b>hơn 3.100</b> con. Chợ bán trung bình với giá đầu cuối bằng nhau, từ <b>43.000</b> đồng/kg trở lên, kéo giá bình bông đạt quanh <b>52.000-55.000</b> đồng/kg.	

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

### I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

#### 1. Miền Bắc

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, do nguồn cung heo dân giảm mạnh nên các thương lái tiếp tục đổ vào các công ty bắt nhiều hơn, bắt chấp dịch tả châu Phi vẫn quét mạnh qua các vùng và heo từ miền Nam ra Bắc có xu hướng tăng. Mặt bằng giá heo miền Bắc tạm thời không có nhiều biến động vào đầu tuần này, dao động phổ biến từ 39-41.000 đồng/kg, mức trên 42.000 đồng/kg ít giao dịch.

- Do dịch tả châu Phi diễn biến phức tạp, gây sụt giảm mạnh cho đàn heo dân và công ty nên các trại nuôi gột giai đoạn này tập heo vào thận trọng, chờ thị trường khởi sắc hẳn mới tập vào, nhằm đón giá tăng trong rất ngắn hạn thay vì chờ 15-20 ngày như trước kia.

*Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)*

Khu vực		22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty-Miền Bắc		39,000-42,000	39,000-42,000	39,000-46,000
Heo dân	Thái Bình	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-42,000
	Bắc Giang	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-42,000
	Hà Nội	40,000-42,000	40,000-42,000	40,000-42,000
<b>Heo giống</b>				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		<b>100.000-105.000</b>	105.000-110.000	105.000-110.000

Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	700.000-900.000	700.000-900.000	700.000-900.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

## 2. Miền Trung

- **Tại miền Trung**, giá heo cũng tạm thời không có điều chỉnh vào đầu tuần này, dao động từ 39-44.000 đồng/kg tùy biểu heo và chất lượng heo. Heo biểu to giá 39.000 đồng/kg tại miền Trung vẫn đang được đóng lai rai ra Bắc nhưng lượng không nhiều do giá không tốt bằng miền Nam.

*Bảng 2. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Trung (VND/kg)*

Khu vực		22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty-Miền Trung		39,000-46,000	39,000-46,000	40,500-48,000
Heo dân	Nghệ An	41,000-43,000	41,000-43,000	41,000-44,000
	Bình Định	39,000-44,000	39,000-44,000	39,000-44,000
	Đắc Lắc	42,000-44,000	42,000-44,000	42,000-45,000

## 3. Miền Nam

- **Tại miền Nam**, từ cuối tuần trước, trước sức ép nguồn cung heo biểu to và heo dịch ra thị trường, mặt bằng giá heo được điều chỉnh giảm còn quanh 37-44.000 đồng/kg, mức trên 45.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho heo đẹp. Giá heo biểu to loại ra từ đi thành phố khu vực miền Nam cũng có xu hướng giảm còn 33-35.000 đồng/kg để bán ra Bắc. Lực tập heo vào nuôi gột tại miền Nam cũng bắt đầu có trở lại khi lượng heo đóng đi Bắc có xu hướng tăng.

- Thương nhân kỳ vọng, giá heo 3 miền sẽ nhóng trở lại kể từ cuối tuần này khi dịch bệnh trên heo tại miền Bắc êm hơn.

*Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)*

Loại giá		22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty	Đồng Nai	37,000-50,000	40,000-50,000	40,000-50,000
	Miền Tây	37,000-50,000	39,000-50,000	39,000-50,000
Heo dân	Đồng Nai	40,000-45,000	42,000-46,000	42,000-46,000
	Tiền Giang	40,000-41,000	40,000-41,000	40,000-42,000
	Bến Tre	38,000-42,000	39,000-43,000	39,000-43,000
<b>Heo giống</b>				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000

Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000
--	---------------------	---------------------	---------------------

## II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt khoảng 2.500 con, trong đó có 10 xe heo từ miền Nam đưa ra, với giá mua lên xe quanh 33-35.000 đồng/kg tùy tình trạng lựa heo đầu. Chợ bán tốt hơn hôm qua với giá cao nhất 43-44.000 đồng/kg, phổ biến 40.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán.

- **Tại chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt hơn 4.400 con, nhập chợ đạt hơn 3.100 con. Chợ bán trung bình với giá đầu cuối bằng nhau, từ 43.000 đồng/kg trở lên, kéo giá bình bông đạt quanh 52-55.000 đồng/kg.

*Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)*

Khu vực	Chợ đầu mối		22/11/2021	19/11/2021
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	2,500	>2,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	40,000-44,000	40,000-45,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	3,113	2,712
		Giá giao dịch (đồng/kg)	43,000-60,000	30,000-62,000

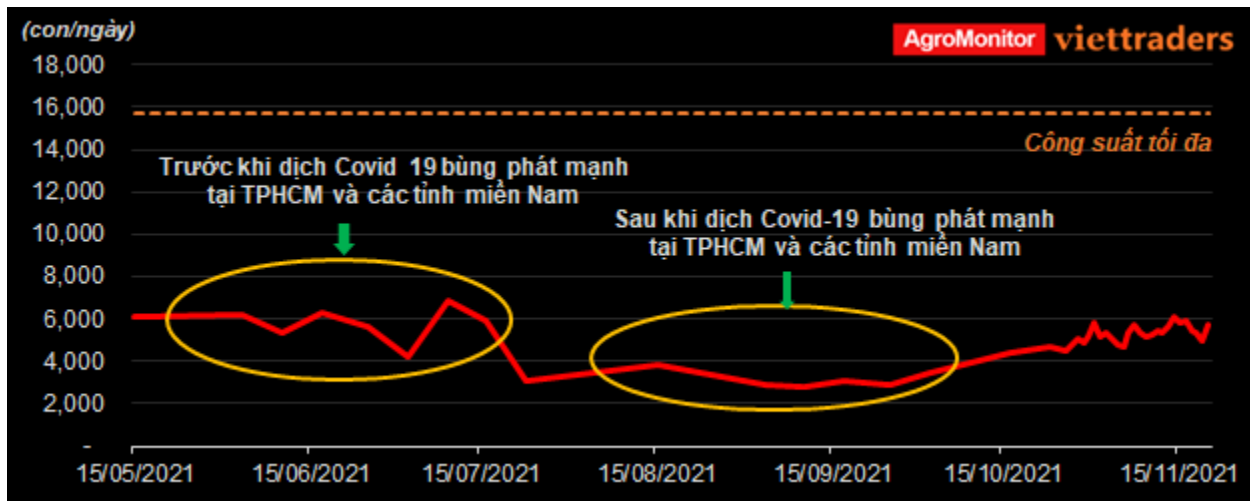
*Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)*

Phân loại	Khu vực	22/11/2021	19/11/2021	
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	58,000	58,000
		CP - miền Nam	61,000	61,000
		CJ - miền Nam	60,000	60,000
		Eminvest - miền Nam	60,500	60,500
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	45,000-56,000	45,000-56,000
		Lộc An - TPHCM	40,000	40,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	40,000	40,000
		Lộc An - TPHCM	25,000	25,000

- Tại các lò mổ TPHCM, lượng heo đưa về giết mổ trong ngày cuối tuần trước tăng lại khá tốt, lên trên 5.600 con/ngày sau khi giảm mạnh trong ngày 19/11 còn dưới 5.000 con/ngày do chợ chạy. Nhìn chung, lượng heo đưa về giết mổ hiện nay đã tương đương với trước khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại TPHCM và các tỉnh miền Nam.

*Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 20/11/2021) (con)*





Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Ghi chú: Đường màu cam biểu thị công suất tổng các lò mổ, Đường màu đỏ biểu thị lượng giết mổ thực tế theo ngày.

### III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 6. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi, kết hợp với tả thường và tai xanh vẫn đang nỗ mạnh tại nhiều tỉnh thành miền Bắc, có vùng dịch tái đi tái lại nhiều lần.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi kết hợp dịch Tai xanh vẫn đang lai rai nỗ tại cả khu vực Bắc miền Trung và Nam miền Trung. Tại Bắc miền Trung, các tỉnh đang có dịch bệnh phức tạp bao gồm: Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Tại khu vực Tây Nguyên, thời tiết mưa vẫn kéo dài khiến xu hướng dịch bệnh lan rộng hơn.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nỗ tại cả miền Đông và miền Tây. Cùng với dịch tả châu Phi, bệnh Tai xanh cũng vẫn lai rai có tại nhiều vùng. Riêng tại miền Tây, Bến Tre, Tiền Giang và An Giang vẫn là những tỉnh vẫn đang chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

## B. THỊ TRƯỜNG BÒ

### Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	22/11/2021	19/11/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000

Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cày – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

*Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)*

Chủng loại	22/11/2021	19/11/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cày – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 22/11/2021

12:45 22/11/2021

### **CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 22/11/2021**

<u>Gà trắng</u>	<p>Tại miền Bắc: <b>23.000-24.500</b> đồng/kg</p> <p>Lượng gà xuất chuồng nhiều hơn trong khi tình hình dịch bệnh Covid 19 có diễn biến xấu hơn khiến tiêu thụ tại các nhà hàng/quán ăn tương đối yếu kéo giá giảm mạnh trong cuối tuần trước</p>
	<p>Tại miền Nam: <b>30.000-33.000</b> đồng/kg</p> <p>Nguồn cung tại thị trường tự do vẫn chưa thực hồi phục sau khi dịch bùng phát đợt 2 (giai đoạn tháng 7-8), nhiều trại tư nhân có tâm lý dè chừng trong việc tái đàn, một số trại nhỏ lẻ có tình trạng treo chuồng.</p>
	<p>Lưu chuyển gà Nam Bắc: Chênh lệch giá giữa 2 miền được giãn rộng trong khi thời tiết mát mẻ thuận lợi khiến gà ngoài Bắc đang hút ngược vào Nam tiêu thụ trong 3 ngày gần đây, ước tính khoảng <b>15-20.000</b> con/ngày.</p>
<u>Lò An Nhơn</u>	<p>Lượng gia cầm giết mổ trung bình trong tuần thứ 3/tháng 11 đạt <b>65.259</b> con/ngày, tăng nhẹ 10% so với lượng giết mổ trong tuần trước đó.</p>
<u>Vịt thịt</u>	<p>Tại miền Bắc: <b>26.000-29.000</b> đồng/kg</p> <p>Giá heo giao dịch ở mức rất thấp trong khi giá gia cầm khác như gà trắng có đà giảm mạnh gây áp lực lên tiêu thụ vịt</p>

Tại miền Đông: <b>36.000-38.000</b> đồng/kg
Tại miền Tây: <b>39.000-40.000</b> đồng/kg

## Gà trắng

### Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, giá gà công ty lẫn thị trường tự do tiếp tục giảm sâu vào cuối tuần vừa rồi, xuống còn phổ biến 23-24.000 đồng/kg áp dụng cho biểu 3.5-4 kg/con, với đàn nhiều trống gà to một vài công ty bán được đầu giá 24.500 đồng/kg. Lượng gà xuất chuồng nhiều hơn trong khi tình hình dịch bệnh Covid 19 có diễn biến xấu hơn, số ca lây nhiễm tiếp tục tăng khiến tiêu thụ tại các nhà hàng/quán ăn tương đối yếu. Tuy nhiên, do gà ngoài Bắc đang được hút ngược vào Nam tiêu thụ hỗ trợ các trại dân tại miền Bắc bán chạy tay hơn, theo đó giá gà cũng lại, chưa có điều chỉnh giảm thêm trong hôm nay.

- Tại miền Nam, giá bắt đầu tăng tốt, lên quanh mức 31-33.000 đồng/kg với gà công ty và 30-33.000 đồng/kg với gà trong dân do nguồn cung gà tại thị trường tự do vẫn chưa thực hồi phục sau khi dịch bùng phát đợt 2 (giai đoạn tháng 7-8), nhiều trại tư nhân có tâm lý dè chừng trong việc tái đàn, một số trại nhỏ lẻ có tình trạng treo chuồng.

- Lưu chuyển gà Nam Bắc: Chênh lệch giá giữa 2 miền được giãn rộng trong khi thời tiết mát mẻ thuận lợi khiến gà ngoài Bắc đang hút ngược vào Nam tiêu thụ trong 3 ngày gần đây. Ước tính lượng gom từ 15-20.000 con/ngày, giá lên xe 23.000 đồng/kg (biểu 3.5 kg/con), giá xuống xe bán được 32-33.000 đồng/kg.

*Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)*

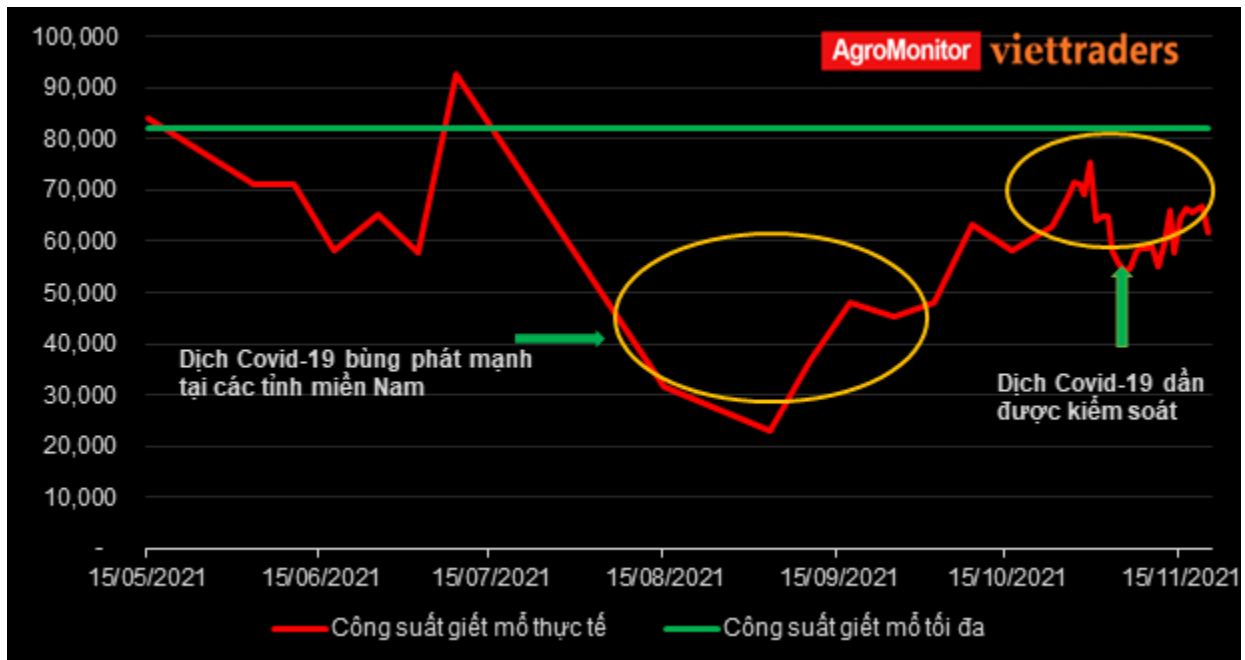
	Khu vực	22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	23.000-24.500	25.000-26.000	26.000-28.000
	Miền Nam	31.000-33.000	29.000-30.000	28.000-30.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	22.000-23.500	24.000-26.000	24.000-28.000
	Vĩnh Phúc	22.500-24.000	24.000-26.000	24.500-28.500
	Hà Nội	22.500-24.000	24.000-26.000	24.500-28.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	30.000-33.000	28.000-30.000	28.000-30.000
	Bình Phước	30.000-33.000	28.000-30.000	28.000-30.000

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm giết mổ trung bình trong tuần thứ 3/tháng 11 đạt 65.259 con/ngày, tăng nhẹ 10% so với lượng giết mổ trong tuần trước đó.

*Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 1 tháng 11/2021 (con/ngày)*

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	64,538	66,538	65,625	66,372	66,871	61,610

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



### Diễn biến gà trắng giống

- Tại miền Bắc, giá gà trắng giống ăn cám công ty đảo chiều nhích nhẹ lên 7.000 đồng/con (trên hóa đơn), giao dịch thực tế được 6.500 đồng/con. Tương tự, giá giống bán ngoài cũng tăng theo, lên 8-9.000 đồng/con do nguồn cung giống từ các công ty đổ ra ít hơn trong khi nhu cầu tái đàn ngoài Bắc tương đối ổn định, không có tình trạng đẻ trống chuồng.

- Tại miền Nam, giá giống cũng tăng tốt lên 8.5-9.000 đồng/con với giống ăn cám công ty và 9-10.000 đồng/con với giống bán ngoài. Mặc dù, nhu cầu vào đàn của các trại tự nhân giảm rõ rệt tuy nhiên các công ty lớn vẫn vào đàn mới theo đúng lịch nhằm đảm bảo nguồn cung thực phẩm cho thị trường.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	22/11/2021	19/11/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	8.000-9.000	5.000-6.000
	Ăn cám công ty	6.500	4.000-4.500
DOC-miền Nam	Bán ngoài	9.000-10.000	6.000-7.000
	Ăn cám công ty	8.500-9.000	5.000-6.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

<b>Khu vực</b>	<b>Loại trứng</b>	<b>22/11/2021</b>	<b>19/11/2021</b>
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1850	1850
	Mix04(>=20.3kg)	1750	1750
	Mix05(>=19.3kg)	1650	1650
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1650	1650
	Loại 22.5kg	1550	1550
	Loại 21.5kg	1450	1450
	Loại 20.5kg	1350	1350
	Loại 19.5kg	1250	1250

### **Gà màu**

- Tại 3 miền Bắc-Trung-Nam đồng loạt giữ ổn định quanh mức thiết lập từ cuối tuần trước, lần lượt đạt 42-43.000 đồng/kg, 44-45.000 đồng/kg và 45-46.000 đồng/kg. Nguồn cung gà màu tại cả 3 miền nhìn chung không dư thừa hỗ trợ giao dịch tại trại ở mức vừa phải.

*Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)*

<b>Khu vực</b>	<b>22/11/2021</b>	<b>19/11/2021</b>	<b>Tuần trước</b>
Gà ta lai CP – miền Bắc	42.000-43.000	42.000-43.000	42.000-43.000
Gà ta lai CP – miền Trung	44.000-45.000	44.000-45.000	44.000-45.000
Gà ta lai CP – miền Nam	45.000-46.000	45.000-46.000	44.000-46.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	44.000-47.000	44.000-47.000	44.000-47.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-44.000	40.000-44.000	40.000-44.000

*Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)*

<b>Vùng/miền</b>	<b>22/11/2021</b>	<b>19/11/2021</b>
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dur	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lại Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	7.000	7.000
DOC- Lai mía	5.000	5.000

DOC- Lai Hồ	5.000	5.000
-------------	-------	-------

*Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)*

Vùng/miền	22/11/2021	19/11/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dur	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

### Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá heo giao dịch ở mức rất thấp trong khi giá gia cầm khác như gà trắng có đà giảm mạnh gây áp lực lên tiêu thụ vịt thịt kéo giá vịt giảm thêm, xuống 26-29.000 đồng/kg ngay cả khi lượng vịt xuất chuồng đang ít lại. Tại Thường Tín, tình hình dịch H9 đang dần được kiểm soát, lượng vịt bị dính bệnh đã được bán chạy hết hoặc tự tiêu hủy. Với con giống, giá giống bơ các công ty chào lên tới 11-12.000 đồng/con (trên hóa đơn) tuy nhiên giao dịch thực tế chỉ được 7-8.000 đồng/kg (giao tận trại) do lực bắt giống rất yếu khiến nguồn cung dư thừa. Mặc dù với vùng giá này, các công ty chuyên giống hiện đang thua lỗ nhưng chưa có tình trạng đẩy bán trứng lộn thay vì đưa vào ấp nở.

- Tại miền Đông, giá vịt tiếp đà giảm còn 36-38.000 đồng/kg do lực tiêu thụ chậm chạp trong bối cảnh các ca mắc Covid 19 tiếp tục tăng, trong khi giá heo tại miền Nam nối dài đà giảm tạo sức ép lên tiêu thụ gia cầm.

*Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)*

Vùng/miền	22/11/2021	19/11/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	26.000-29.000	29.000-30.000	29.000-32.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	36.000-38.000	38.000-40.000	38.000-40.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	39.000-40.000	39.000-40.000	37.000-40.000

*Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)*

Khu vực	Vùng/miền	22/11/2021	19/11/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	7.000-8.000	9.000-10.000
	DOC- Vịt Grimaud	7.000-8.000	9.000-10.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	4.500-5.000	4.500-5.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	12.000-13.000	12.000-13.000

### Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ trong sáng nay đạt quanh 3.000 con. Giá gà đổ về chợ (mua xô) tiếp tục có điều chỉnh giảm thêm, xuống ngưỡng 27-27.500 đồng/kg trong bối cảnh tiêu thụ chậm chạp, theo đó giá bán ra cũng hạ xuống mức 27-31.000 đồng/kg, tùy gà trống hay mái.

*Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)*

Loại gà	Giao dịch	22/11/2021	19/11/2021
Gà trắng	Mua vào	27.000-27.500	29.000-29.500

	Bán ra	<del>27.000-31.000</del>	29.000-33.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	47.000	47.000
	Bán ra	52.000-53.000	52.000-53.000
Gà Japfa	Mua vào	50.000	50.000
	Bán ra	55.000	55.000